

Ngày 22 tháng 11 năm 2019, Quốc hội đã thông qua Luật xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam. Luật có 08 chương, 52 điều quy định về xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam; trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước về xuất nhập cảnh và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Các nội dung chính của luật quy định về nguyên tắc xuất cảnh, nhập cảnh; các hành vi bị nghiêm cấm; giấy tờ xuất nhập cảnh; thời hạn của giấy tờ xuất nhập cảnh; đối tượng, điều kiện được cấp hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ, hộ chiếu phổ thông, giấy thông hành; cấp, gia hạn hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ, hộ chiếu phổ thông ở trong nước, ở nước ngoài; quản lý, sử dụng, thu hồi, hủy, khôi phục giấy tờ xuất nhập cảnh; điều kiện xuất cảnh, nhập cảnh, kiểm soát xuất nhập cảnh; các trường hợp bị tạm hoãn xuất cảnh; cơ sở dữ liệu quốc gia về xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam cũng như trách nhiệm quản lý nhà nước của các cơ quan, đơn vị có liên quan về xuất nhập cảnh của công dân Việt Nam...

Về nguyên tắc xuất cảnh, nhập cảnh: Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên. Bảo đảm công khai, minh bạch, thuận lợi cho công dân Việt Nam; chặt chẽ, thống nhất trong quản lý xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam. Bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân Việt Nam trong hoạt động xuất cảnh, nhập cảnh. Mọi hành vi vi phạm pháp luật về xuất cảnh, nhập cảnh của cơ quan, tổ chức, cá nhân phải được phát hiện, xử lý kịp thời, nghiêm minh theo quy định của pháp luật.

Công dân Việt Nam được xuất cảnh khi có đủ các điều kiện sau đây: Có giấy tờ xuất nhập cảnh còn nguyên vẹn, còn thời hạn sử dụng; đối với hộ chiếu phải còn hạn sử dụng từ đủ 6 tháng trở lên; có thị thực hoặc giấy tờ xác nhận, chứng minh được nước đến cho nhập cảnh, trừ trường hợp được miễn thị thực; không thuộc trường hợp bị cấm xuất cảnh, không được xuất cảnh, bị tạm hoãn xuất cảnh theo quy định của pháp luật.

Nghĩa vụ của công dân Việt Nam về việc xuất nhập cảnh: Chấp hành quy định của pháp luật Việt Nam về xuất cảnh, nhập cảnh và pháp luật của nước đến khi ra nước ngoài; thực hiện thủ tục đề nghị cấp giấy tờ xuất nhập cảnh, gia hạn hộ chiếu, khôi phục giá trị sử dụng hộ chiếu theo quy định của Luật này; sử dụng giấy tờ xuất nhập cảnh do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp để xuất cảnh, nhập cảnh; chấp hành yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền trong việc kiểm tra người, hành lý, giấy tờ xuất nhập cảnh khi làm thủ tục xuất cảnh, nhập cảnh; nộp lệ phí cấp giấy tờ xuất nhập cảnh theo quy định của pháp luật.

Giấy tờ xuất nhập cảnh bao gồm: Hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ, hộ chiếu phổ thông, giấy thông hành.

Thời hạn của giấy tờ xuất nhập cảnh: Hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ có thời hạn từ 01 năm đến 05 năm, có thể được gia hạn một lần không quá 03 năm. Thời hạn của hộ chiếu phổ thông được quy định như sau: Hộ chiếu phổ thông cấp cho người từ đủ 14 tuổi trở lên có thời hạn 10 năm và không được gia hạn; hộ chiếu phổ thông cấp cho người chưa đủ 14 tuổi có thời hạn 05 năm và không được gia hạn; hộ chiếu phổ thông cấp theo thủ tục rút gọn có thời hạn không quá 12 tháng và không được gia hạn. Giấy thông hành có thời hạn không quá 12 tháng và không được gia hạn.

Người được cấp giấy tờ xuất nhập cảnh có trách nhiệm giữ gìn, bảo quản giấy tờ xuất nhập cảnh; báo ngay cho cơ quan có thẩm quyền khi bị mất giấy tờ xuất nhập cảnh; làm thủ tục cấp mới khi giấy tờ xuất nhập cảnh bị hư hỏng, thay đổi thông tin về nhân thân, đặc điểm nhận dạng, xác định lại giới tính. Chỉ được sử dụng một loại giấy tờ xuất nhập cảnh còn giá trị sử dụng cho mỗi lần xuất cảnh, nhập cảnh. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc hoạt động xuất cảnh, nhập cảnh, phải nộp lại hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ cho cơ quan, người quản lý hộ chiếu quy định tại khoản 1 Điều 24 của Luật này, trừ trường hợp có lý do chính đáng do người đứng đầu cơ quan quyết định. Khi thay đổi cơ quan làm việc, phải báo cáo cơ quan, người quản lý hộ chiếu nơi chuyển đi và chuyển đến để thực hiện việc quản lý hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ theo quy định của Luật này.

Về sử dụng hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ: Người được cấp hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ sử dụng hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ trong trường hợp đi nước ngoài theo quyết định cử hoặc văn bản đồng ý của cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại Điều 11 của Luật này, trừ trường hợp đi học tập ở nước ngoài với thời hạn trên 06 tháng. Việc sử dụng hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ đi công tác nước ngoài phù hợp với quyết định cử đi công tác và tính chất công việc thực hiện ở nước ngoài.

Trách nhiệm quản lý nhà nước về xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam: Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam; quy định dịch vụ công trực tuyến phục vụ cấp, quản lý, kiểm soát hộ chiếu của công dân Việt Nam. Bộ Công an chủ trì, phối hợp với Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam.

Luật cũng quy định trách nhiệm cụ thể của Bộ Công an, Bộ Ngoại giao, Bộ Quốc phòng, Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài, Ban Cơ yếu Chính phủ, Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan, tổ chức trực tiếp quản lý cán bộ, công chức, sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp trong Quân đội nhân dân, Công an nhân dân, người làm công tác cơ yếu trong tổ chức cơ yếu trong việc thực hiện các nội dung có liên quan đến xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam.

Luật xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2020.

Yến Nhi